

QUỐC HỘI
Luật số: ... /2024/QH15
(Dự thảo 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Phần thứ nhất NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, NHIỆM VỤ CỦA LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xử lý chuyển hướng, hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội; thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng; thi hành án; tái hòa nhập cộng đồng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 2. Nhiệm vụ của Luật Tư pháp người chưa thành niên

Luật Tư pháp người chưa thành niên có nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, bảo vệ trật tự xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên; bảo đảm việc xử lý người chưa thành niên phù hợp với độ tuổi, khả năng nhận thức, đặc điểm nhân thân, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên tự sửa chữa sai lầm, cải thiện hành vi, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Điều 3. Áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên và các luật có liên quan

Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, vụ án hình sự có người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Luật này, đồng thời theo những quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự và luật khác không trái với quy định của Luật này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người chưa thành niên* trong Luật này bao gồm người chưa thành niên phạm tội, người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chưa thành niên được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, người chưa thành niên chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, người chưa thành niên là người chấp hành án.

2. *Người chưa thành niên phạm tội* là người phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. *Người chưa thành niên bị buộc tội* gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

4. *Người chưa thành niên chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng* gồm học sinh trường giáo dưỡng và người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng khác.

5. *Người chưa thành niên là bị hại* là người dưới 18 tuổi trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.

6. *Người chưa thành niên là người làm chứng* là người dưới 18 tuổi biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng.

7. *Người đại diện của người chưa thành niên* là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và có đủ điều kiện làm người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự. Người đại diện của người chưa thành niên bao gồm:

- a) Cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi;
- b) Người giám hộ;
- c) Người do Tòa án chỉ định.

8. *Tư pháp người chưa thành niên* là các quy định về chính sách, biện pháp xử lý chuyên biệt đối với người chưa thành niên; thủ tục thân thiện trong xử lý chuyển hướng, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. *Biện pháp xử lý chuyển hướng* là biện pháp giám sát, giáo dục, phòng ngừa thay thế cho hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Luật này, bao gồm các biện pháp khiển trách; xin lỗi bị hại; bồi thường thiệt hại; tham gia chương trình học tập, dạy nghề; tham gia điều trị và tư vấn tâm lý; thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; cầm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới; hạn chế khung giờ đi lại; cấm đến một địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới; giáo dục tại xã, phường, thị trấn; quản thúc tại gia đình (sau đây gọi là biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng) và biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

10. *Thủ tục xử lý chuyển hướng* là trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên bị buộc tội theo quy định của Luật này.

11. *Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên* (sau đây gọi chung là người làm công tác xã hội) bao gồm nhân viên công tác xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, công chức văn hóa - xã hội cấp xã được cơ quan có thẩm quyền đề nghị tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

12. *Báo cáo điều tra xã hội* là báo cáo do người làm công tác xã hội xây dựng để cung cấp thông tin về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, tình hình học tập, tình trạng sức khỏe, tâm lý và thông tin khác có liên quan ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

13. *Kế hoạch xử lý chuyển hướng* là kế hoạch áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, tổ chức hỗ trợ, giám sát, giáo dục người chưa thành niên thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng do người làm công tác xã hội xây dựng.

14. *Điều phối hoạt động tư pháp người chưa thành niên* là việc tổ chức, phối hợp hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên.

Chương II **NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN**

Điều 5. Bảo đảm lợi ích tốt nhất

1. Khi giải quyết vụ việc có người chưa thành niên phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ.

2. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

3. Bảo đảm an toàn cho người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

4. Bồi thường đầy đủ, kịp thời và nhanh nhất có thể đối với người chưa thành niên là bị hại.

Điều 6. Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện

Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phải bảo đảm đơn giản, thân thiện, gần gũi, phù hợp với tâm lý lứa tuổi, mức độ trưởng thành và khả năng nhận thức của người chưa thành niên.

Điều 7. Đối xử bình đẳng

1. Bảo đảm công bằng, không kỳ thị, không phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên.

2. Quan tâm đến các nhu cầu chính đáng của người chưa thành niên do giới tính, thuộc đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là người khuyết tật và người dân tộc ít người.

Điều 8. Quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời

Người chưa thành niên có quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về những nội dung liên quan đến giải quyết vụ việc của họ.

Điều 9. Bảo đảm quyền có người đại diện

Người chưa thành niên được bảo đảm có sự tham gia của cha mẹ, người đại diện khác trong quá trình giải quyết vụ việc.

Điều 10. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời

Giải quyết vụ việc có người chưa thành niên phải nhanh nhất có thể, ưu tiên áp dụng thủ tục rút gọn và hạn chế việc gia hạn.

Điều 11. Ưu tiên áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Biện pháp xử lý chuyển hướng được ưu tiên áp dụng đối với người chưa thành niên trong tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải phù hợp với lợi ích của người chưa thành niên và cộng đồng.

Điều 12. Xử lý chuyên biệt

1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân, độ tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

2. Hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên không nhằm mục đích trừng trị mà nhằm giáo dục họ ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới nhưng đủ nghiêm khắc, có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

3. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên nếu xét thấy việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Nếu phải áp dụng hình phạt thì ưu tiên áp dụng hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, hình phạt tù cho hưởng án treo đối với người chưa thành niên phạm tội.

4. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

5. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên khi xét thấy các hình phạt và biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

6. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

7. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

8. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Điều 13. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên

1. Bí mật cá nhân của người chưa thành niên phải được tôn trọng, bảo vệ trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý chuyển hướng và thi hành án.

2. Tòa án xét xử kín đối với người chưa thành niên là bị hại trong vụ án xâm hại tình dục.

3. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia tố tụng thì phải bố trí phòng cách ly hoặc các biện pháp bảo vệ khác.

Điều 14. Quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, phiên dịch

1. Người bị buộc tội là người chưa thành niên có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

2. Người đại diện của người chưa thành niên có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên.

3. Trường hợp người chưa thành niên là người bị buộc tội không có người bào chữa hoặc không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định của pháp luật.

4. Người chưa thành niên khi tham gia thủ tục tố tụng hình sự được trợ giúp pháp lý và phiên dịch miễn phí.

Điều 15. Hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế chỉ được áp dụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội trong trường hợp thật cần thiết.

2. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên bị buộc tội khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

Điều 16. Chuyên môn hóa trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên

Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người chưa thành niên phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người chưa thành niên, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên.

Điều 17. Bảo đảm và tôn trọng quyền tham gia, trình bày ý kiến

1. Người chưa thành niên được quyền tham gia, trình bày ý kiến về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tố tụng. Ý kiến trình bày của người chưa thành niên phải được tôn trọng, không bị coi là không đáng tin cậy chỉ vì lý do tuổi của họ. Việc người chưa thành niên không nhận tội không bị coi là không thành khẩn khai báo.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng phải lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, tình cảm, thái độ của người chưa thành niên phù hợp với độ tuổi, giới tính, mức độ trưởng thành và sự phát triển của họ.

Điều 18. Bảo đảm hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quyền hạn, nghĩa vụ của mình có trách nhiệm phối hợp và thực hiện yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 19. Bảo đảm việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thi hành án phạt tù phù hợp với người chưa thành niên

1. Việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thi hành án phạt tù phải bảo đảm việc bảo vệ, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của người chưa thành niên.

2. Trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ bảo đảm điều kiện vật chất phù hợp với lứa tuổi, giới tính và sự phát triển của người chưa thành niên.

3. Không giam giữ chung người chưa thành niên với người đã thành niên.

Điều 20. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho người chưa thành niên chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng, án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng ngừa tái phạm.

2. Bảo đảm các hoạt động giáo dục, dạy nghề phù hợp với người chưa thành niên và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng trong và sau khi giáo dục tại trường giáo dưỡng, thi hành án.

3. Tạo điều kiện tối đa để người chưa thành niên được học tập theo nguyện vọng và quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình trong tái hòa nhập cộng đồng.

5. Nghiêm cấm sự kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên sau khi giáo dục tại trường giáo dưỡng, thi hành án.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội

1. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Có người đại diện trong suốt quá trình tố tụng.
3. Được bào chữa, trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật.
4. Được sự hỗ trợ của người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục trong trường hợp cần thiết.
5. Được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về những nội dung liên quan đến giải quyết vụ việc của họ.
6. Đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.
7. Khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.
8. Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Được hỗ trợ của người làm công tác xã hội trong quá trình tố tụng.
3. Được trợ giúp pháp lý, phiên dịch miễn phí theo quy định của Luật này.
4. Được sự hỗ trợ của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học trong trường hợp cần thiết.
5. Được bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có quyền sau:
 - a) Được giải thích về nghĩa vụ phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;
 - b) Được lao động, học tập hoặc học nghề; được tham gia chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại địa phương;
 - c) Được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, tạm trú;

d) Được trình bày nguyện vọng, kiến nghị của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức và người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Báo cáo tình hình thực hiện biện pháp xử lý chuyển hướng khi được yêu cầu;

d) Trình diện cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là người chấp hành án

1. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Nhận các quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ của mình.

4. Được giữ bí mật cá nhân.

5. Được học văn hóa phù hợp với trình độ theo quy định của pháp luật về giáo dục.

6. Được chăm sóc y tế, được tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao do cơ sở thi hành án tổ chức.

7. Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Xác định tuổi của người chưa thành niên

1. Việc xác định tuổi của người chưa thành niên do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc xác định tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây: Giấy chứng sinh; Giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân; Thẻ căn cước công dân; Thẻ căn cước; Hộ chiếu.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài liệu này thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan nơi người chưa thành niên học tập, lao động, sinh hoạt trong việc hỏi, lấy lời khai, xác minh làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của người đó.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

3. Trường hợp vẫn không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Trường hợp kết quả giám định tuổi chỉ xác định được khoảng độ tuổi của người bị buộc tội thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của họ.

Điều 26. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên.

2. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên hoạt động theo cơ chế phối hợp liên ngành. Thành viên Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chức năng của Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên bao gồm:

a) Nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều phối giữa các bộ, ngành để giải quyết các vấn đề về tư pháp người chưa thành niên;

b) Đề xuất phương hướng, giải pháp để thực hiện các vấn đề liên quan đến tư pháp người chưa thành niên và thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em;

c) Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc thực hiện hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

d) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tư pháp người chưa thành niên;

đ) Thực hiện việc quản lý hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa

thành niên;

e) Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo về hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

4. Thành viên Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên bao gồm: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và các thành viên khác do Chính phủ quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên

1. Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giúp Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng;

b) Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ người làm công tác xã hội về kiến thức pháp luật; về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên;

c) Tổ chức chương trình giáo dục, đào tạo, học tập, dạy nghề cho người chưa thành niên thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động của Hội đồng;

đ) Quản lý tập trung, thống nhất các chi phí hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên; bảo đảm quản lý an toàn và sử dụng có hiệu quả từ Quỹ Bảo vệ trẻ em;

e) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập và công bố danh sách người công tác xã hội;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật này về áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, thủ tục tố tụng thân thiện; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên trong quá trình giải quyết vụ việc và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp thông tin cần thiết về quá trình áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, thủ tục tố tụng; bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của người chưa thành niên và người đại diện,

người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Điều 29. Người tiến hành tố tụng

1. Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Được đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng kỹ năng giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên;
- b) Có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người chưa thành niên;
- c) Được đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng về tâm lý học và khoa học giáo dục cho người chưa thành niên.

2. Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử sơ thẩm vụ án liên quan đến người chưa thành niên được ưu tiên lựa chọn là giáo viên, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có kinh nghiệm, kiến thức về tâm lý người chưa thành niên.

Người có kinh nghiệm, kiến thức về tâm lý người chưa thành niên là người có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tư pháp hoặc quản lý, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục đối với người chưa thành niên; người được đào tạo về giáo dục thanh thiếu niên, trẻ em hoặc những người khác có kinh nghiệm và hiểu biết về tâm lý người chưa thành niên.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm sau đây:

- a) Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật này;
- b) Hỗ trợ, tạo điều kiện để người chưa thành niên thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ;
- c) Phối hợp, trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- d) Hỗ trợ cho người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng; đào tạo nghề; hỗ trợ việc làm cho người chưa thành niên khi đủ tuổi lao động;
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên; đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan phải có mặt và tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng theo quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, đoàn luật sư có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo trợ giúp viên pháp lý, luật sư về kỹ năng bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người chưa thành niên, kỹ năng trợ giúp pháp lý thân thiện cho người chưa thành niên.

4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tư pháp người chưa thành niên trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 31. Người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội tham gia tố tụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có hiểu biết pháp luật về người chưa thành niên;
- b) Đã được đào tạo hoặc tập huấn, bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên; có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý người chưa thành niên; có kỹ năng giao tiếp đối với người chưa thành niên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội khi tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên như sau:

- a) Xây dựng báo cáo điều tra xã hội về người chưa thành niên và kế hoạch xử lý chuyển hướng;
- b) Tham gia hoạt động tố tụng, hỗ trợ và can thiệp phù hợp cho người chưa thành niên;
- c) Tham gia hoạt động lấy lời khai, hỏi cung, nhận dạng, nhận biết giọng nói, đối chất, khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể và tham gia phiên tòa theo quy định của Luật này;
- d) Tham gia công tác tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên;
- đ) Được hỗ trợ chi phí khi tham gia tố tụng;
- e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

3. Người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên theo từng vụ việc cụ thể và tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can.

4. Một người làm công tác xã hội có thể tham gia hỗ trợ tư pháp cho nhiều người bị buộc tội hoặc nhiều bị hại nhưng không đồng thời hỗ trợ cho cả người bị buộc tội và bị hại trong cùng một vụ án. Người làm công tác xã hội tham gia trong quá trình tố tụng, xử lý chuyển hướng, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Điều 32. Trách nhiệm của gia đình

1. Cha, mẹ, người chăm sóc người chưa thành niên và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

- a) Chấp hành quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về việc thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên;
- b) Thường xuyên liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên;
- c) Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có

thảm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của người chưa thành niên.

2. Cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Cha, mẹ của người chưa thành niên phạm tội có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên

1. Các chi phí hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên bao gồm:

a) Chi phí điều trị y tế, chăm sóc sức khỏe cho người chưa thành niên;

b) Chi phí giáo dục, cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên;

c) Chi phí dịch vụ pháp lý cho người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được trợ giúp pháp lý miễn phí;

d) Chi phí cho người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên theo quy định của pháp luật;

e) Chi phí khác hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện từ nguồn kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em.

3. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho Quỹ Bảo trợ trẻ em để hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Kiểm sát hoạt động xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Viện kiểm sát kiểm sát tính hợp pháp của các quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong hoạt động xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; thực hiện quyền kiến nghị theo quy định của Luật này.

2. Viện kiểm sát tham gia phiên họp xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật này.

3. Các quyết định trong hoạt động xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định của Luật này để thực hiện nhiệm vụ kiểm sát.

Phần thứ hai **XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG ĐỐI VỚI** **NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI** **Chương IV**

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 35. Mục đích xử lý chuyển hướng

Áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm mục đích:

1. Đưa ra biện pháp xử lý kịp thời và hiệu quả đối với người chưa thành niên;
2. Giúp người chưa thành niên nhận biết, sửa chữa sai lầm đã gây ra, tự rèn luyện và giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội;
3. Đẩy mạnh việc hòa giải giữa người chưa thành niên và bị hại hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm của người chưa thành niên;
4. Nâng cao trách nhiệm của cha mẹ, gia đình, cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động xử lý chuyển hướng;
5. Hạn chế tác động tiêu cực của thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên;
6. Ngăn ngừa người chưa thành niên phạm tội mới, tạo cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích trong xã hội.

Điều 36. Biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khiển trách.
2. Xin lỗi bị hại.
3. Bồi thường thiệt hại.
4. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề.
5. Tham gia điều trị và tư vấn tâm lý.
6. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.
7. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới.
8. Hạn chế khung giờ đi lại.
9. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới.
10. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
11. Quản thúc tại gia đình.
12. Giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 37. Trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Người chưa thành niên thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự thì có thể được xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều

38 của Luật này;

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật này;

3. Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Điều 38. Trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng về các tội phạm sau đây thì không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này:

- a) Tội giết người;
- b) Tội hiếp dâm;
- c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

2. Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng về các tội phạm sau đây thì không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này:

- a) Tội hiếp dâm;
- b) Tội sản xuất trái phép chất ma túy;
- c) Tội tàng trữ trái phép chất ma túy;
- d) Tội mua bán trái phép chất ma túy;
- đ) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy;
- e) Tội chiếm đoạt chất ma túy.

3. Người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

- a) Tái phạm, tái phạm nguy hiểm;
- b) Người đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng mà tiếp tục phạm tội;
- c) Phạm tội 02 lần trở lên trong đó có ít nhất 01 lần phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này.

Điều 39. Điều kiện áp dụng

Người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 37 của Luật này có thể được xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Có chứng cứ người chưa thành niên đã thực hiện hành vi phạm tội;
- 2. Người chưa thành niên thừa nhận mình có tội;

3. Người chưa thành niên đồng ý xử lý chuyển hướng.

Điều 40. Nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; khả năng giáo dục, phục hồi của người chưa thành niên và sự an toàn của bị hại, cộng đồng.

2. Việc lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng áp dụng đối với người chưa thành niên phải phù hợp với hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của họ nhằm mục đích thay đổi nhận thức, cải thiện hành vi, khắc phục, ngăn ngừa nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

3. Người chưa thành niên phạm tội có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trường hợp người chưa thành niên được áp dụng nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng khác nhau nhưng cùng thực hiện nghĩa vụ giống nhau thì tổng thời gian thực hiện nghĩa vụ không vượt quá thời hạn cao nhất của điều luật tương ứng quy định về nghĩa vụ này.

4. Không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu tại thời điểm xem xét người phạm tội đã đủ 18 tuổi.

Điều 41. Khiển trách

1. Khiển trách là phê bình nghiêm khắc đối với người chưa thành niên phạm tội, trong đó giải thích về thiệt hại mà người chưa thành niên đã gây ra và hậu quả nếu tái phạm. Việc khiển trách phải có sự chứng kiến của người đại diện của họ.

2. Khiển trách có thể được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp khiển trách phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 42. Xin lỗi bị hại

1. Xin lỗi bị hại là việc người chưa thành niên phạm tội nhận lỗi với bị hại và mong muốn được tha thứ về hành vi vi phạm mà họ đã gây ra. Việc xin lỗi bị hại phải có sự chứng kiến của người tiến hành tố tụng, người đại diện của người chưa thành niên.

2. Xin lỗi bị hại có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng;
- b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng;
- c) Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Xin lỗi bị hại được thực hiện với sự đồng thuận của bị hại.

4. Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp xin lỗi bị hại phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 43. Bồi thường thiệt hại

1. Bồi thường thiệt hại là việc người chưa thành niên khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội mà họ gây ra bằng cách đền bù tổn hại về vật chất, tinh thần do xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị hại.

2. Bồi thường thiệt hại được thực hiện với sự đồng thuận của bị hại. Mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền ấn định thời gian thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng không quá 01 năm.

3. Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp bồi thường thiệt hại phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 44. Hạn chế khung giờ đi lại

1. Hạn chế khung giờ đi lại là việc giới hạn người chưa thành niên phạm tội ra khỏi nhà vào khung giờ nhất định trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, trừ trường hợp được người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cho phép.

2. Hạn chế khung giờ đi lại được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, và 11 Điều 36 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp hạn chế khung giờ đi lại từ 03 tháng đến 06 tháng.

Điều 45. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới

1. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là cấm người chưa thành niên giao tiếp, liên lạc, tiếp cận với bị hại, đồng phạm, người có ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi của người chưa thành niên có nguy cơ thúc đẩy người chưa thành niên phạm tội mới.

2. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, và 11 Điều 36 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới từ 06 tháng đến 01 năm.

Điều 46. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới

1. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là cấm người chưa thành niên phạm tội đến địa điểm đã thực hiện hành vi phạm tội hoặc địa điểm có môi trường tương tự như nơi đã thực hiện hành vi phạm tội có nguy cơ thúc đẩy người chưa thành niên phạm tội mới.

2. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, và 11 Điều 36 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới từ 06 tháng đến 01 năm.

Điều 47. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề

1. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề là việc người chưa thành niên phạm tội phải học tập về pháp luật, đạo đức, nghĩa vụ công dân, kỹ năng ứng xử, kỹ năng sống, học nghề.

2. Cơ sở giáo dục, dạy nghề được cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn có trách nhiệm đào tạo, giáo dục người chưa thành niên và phối hợp với người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thi hành biện pháp này.

3. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, và 11 Điều 36 của Luật này.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp tham gia chương trình học tập hoặc dạy nghề không quá 01 năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức thực hiện biện pháp này.

Điều 48. Tham gia điều trị và tư vấn tâm lý

1. Điều trị và tư vấn tâm lý là biện pháp trị liệu, can thiệp y tế, giáo dục nhằm khắc phục những trở ngại về tinh thần, cảm xúc, tâm trạng, tình trạng sức khỏe là nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

2. Cơ sở giáo dục, khám bệnh, chữa bệnh và tổ chức có liên quan được cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn để hỗ trợ, can thiệp cho người chưa thành niên.

4. Điều trị và tư vấn tâm lý được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng khác quy định tại Điều 36 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp tham gia điều trị và tư vấn tâm lý không quá 06 tháng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bộ Y tế hướng dẫn tổ chức thực hiện biện pháp này.

Điều 49. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng

1. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng là thực hiện công việc trực tiếp phục vụ cho lợi ích của cộng đồng nơi người chưa thành niên phạm tội cư trú, bao gồm:

a) Tham gia trồng, chăm sóc cây xanh ở khu vực công cộng; sửa chữa, làm sạch đường làng, ngõ xóm, đường phố, ngõ phố, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng khác;

b) Tham gia công việc khác nhằm cải thiện môi trường sống và cảnh quan của cộng đồng.

2. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng được áp dụng đồng thời với một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, và 11 Điều 36 của Luật này.

3. Thời gian thực hiện biện pháp thực hiện công việc phục vụ cộng đồng không quá 80 giờ, không được quá 04 giờ trong 01 ngày, không quá 05 ngày trong 01 tuần, không được thực hiện vào ban đêm và phải bảo đảm an toàn, tránh bị kỳ thị.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp thực hiện công việc phục vụ cộng đồng không quá 03 tháng.

Điều 50. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là buộc người chưa thành niên phạm tội phải chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền nơi họ cư trú về việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi học tập, nơi làm việc.

2. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn có thể được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 52 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 06 tháng đến 02 năm.

Điều 51. Quản thúc tại gia đình

1. Quản thúc tại gia đình là việc buộc người chưa thành niên phạm tội ở nhà dưới sự giám sát trực tiếp của gia đình và chỉ được rời khỏi nhà trong trường hợp cần thiết với sự cho phép của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Quản thúc tại gia đình được thực hiện theo đề nghị và cam kết của bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột hoặc chị ruột là người đại diện theo pháp luật ở cùng nhà với người chưa thành niên. Người đề nghị phải bảo đảm có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện cơ sở vật chất, khả năng chăm sóc, giáo dục và trực tiếp giám sát người chưa thành niên.

3. Quản thúc tại gia đình có thể được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 52 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều

52 của Luật này.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp quản thúc tại gia đình và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 52. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Giáo dục tại trường giáo dưỡng là việc buộc người chưa thành niên phạm tội học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục trong một tổ chức có kỷ luật chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Giáo dục tại trường giáo dưỡng có thể được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng về các tội phạm sau đây: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Tội mua bán người; Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội cướp tài sản; Tội cướp giật tài sản; Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Tội mua bán trái phép chất ma túy; Tội chiếm đoạt chất ma túy;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý; nghiêm trọng về các tội phạm sau đây: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Tội cướp giật tài sản;

c) Các trường hợp khác, nếu xét thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người chưa thành niên phạm tội mà cần phải áp dụng;

d) Người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khác cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 02 năm.

Chương V

THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 53. Thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Phương án 1

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 36 của Luật này.

2. Thẩm phán, Hội đồng xét xử có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại Điều 36 của Luật này.

Phương án 2

Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại Điều 36 của Luật này theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Điều 54. Đề nghị người làm công tác xã hội tham gia tố tụng

1. Ngay sau khi khởi tố bị can là người chưa thành niên, cơ quan tiến hành tố tụng phải đề nghị nhân viên công tác xã hội tham gia tố tụng. Trường hợp nhân viên công tác xã hội không thể tham gia tố tụng thì cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị người làm công tác bảo vệ trẻ em hoặc công chức văn hóa - xã hội cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú tham gia tố tụng.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác xã hội phải trả lời bằng văn bản về việc tham gia tố tụng.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của người làm công tác xã hội, cơ quan tiến hành tố tụng phải có văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng cho người làm công tác xã hội và lưu vào hồ sơ vụ án.

Văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng của người làm công tác xã hội có giá trị trong suốt quá trình tham gia tố tụng.

Điều 55. Xây dựng báo cáo điều tra xã hội

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan điều tra, người làm công tác xã hội phải hoàn thành báo cáo điều tra xã hội và gửi cho cơ quan có yêu cầu.

2. Báo cáo điều tra xã hội bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người chưa thành niên;

b) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên;

c) Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người xây dựng báo cáo;

d) Hoàn cảnh gia đình, môi trường sống của người chưa thành niên;

đ) Mức độ trưởng thành của người chưa thành niên;

e) Tình trạng sức khỏe của người chưa thành niên;

g) Tình hình học tập, trình độ học vấn của người chưa thành niên;

h) Các yếu tố có thể là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên (nếu có);

i) Đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về người chưa thành niên khi người làm công tác xã hội đề nghị.

4. Người làm công tác xã hội có thể xây dựng Báo cáo điều tra xã hội bổ sung trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 56. Áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận được Báo cáo điều tra xã hội, Viện kiểm sát nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Tòa án nhận được hồ sơ vụ án và cáo trạng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xem xét quyết định áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng.

2. Trường hợp người chưa thành niên đủ điều kiện quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Luật này và đồng ý bằng văn bản về việc xử lý chuyển hướng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra văn bản về việc áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng và đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng hoặc kế hoạch xử lý chuyển hướng bổ sung, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nếu người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Trường hợp tự xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Tòa án xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

4. Văn bản đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải có các nội dung sau đây:

- a) Mức độ vi phạm của người chưa thành niên;
- b) Nguyên nhân và điều kiện dẫn tới hành vi phạm tội;
- c) Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- d) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự áp dụng;

đ) Tác động của hành vi phạm tội đối với nạn nhân và hoặc cộng đồng, bao gồm mức độ thiệt hại hay tổn hại gây ra.

5. Cơ quan tiến hành tố tụng phải thường xuyên rà soát, xem xét, ưu tiên áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng.

Điều 57. Không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận được Báo cáo điều tra xã hội, Viện kiểm sát nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Tòa án nhận được hồ sơ vụ án và cáo trạng, nếu xét thấy người chưa thành niên không thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải ra văn bản thông báo về việc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng và nêu rõ lý do. Văn bản này được gửi cho người chưa thành niên, người đại diện của họ và được lưu hồ sơ vụ án.

2. Khi ra văn bản thông báo không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiếp tục tiến hành thủ tục tố tụng theo

quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 58. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Số, ngày, tháng, năm, địa điểm ra quyết định;
- b) Tên cơ quan ra quyết định;
- c) Họ và tên của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán, Hội đồng xét xử ra quyết định;
- d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có), nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người chưa thành niên;
- đ) Họ và tên, nơi làm việc của người bào chữa;
- e) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự áp dụng;
- g) Lý do, căn cứ ra quyết định;
- h) Tên biện pháp xử lý chuyển hướng được áp dụng, thời hạn áp dụng, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;
- i) Hiệu lực của quyết định;
- k) Nơi nhận quyết định.

2. Quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i và điểm k khoản 1 Điều này.

3. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định khoản 1 và khoản 2 Điều này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành và có thể bị khiếu nại, kiến nghị.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải gửi quyết định cho người chưa thành niên, người đại diện của họ và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú, trường giáo dưỡng.

Điều 59. Đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán, Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng khi người chưa thành niên bị buộc tội kêu oan hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật khác của người chưa thành niên bị buộc tội có dấu hiệu tội phạm;

b) Khi phát sinh tình tiết mới về tình trạng sức khỏe, tâm thần của người chưa thành niên bị buộc tội và cần trưng cầu giám định.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết về các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định tiếp tục áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng hoặc quyết định đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Trường hợp đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng theo quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Mục 2

THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 60. Xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, người làm công tác xã hội phải xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng.

2. Kế hoạch xử lý chuyển hướng gồm các nội dung sau đây:

a) Thời gian, địa điểm thực hiện, người thực hiện;

b) Biện pháp xử lý chuyển hướng được lựa chọn;

c) Nghĩa vụ của người chưa thành niên phải có mặt theo yêu cầu của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; cam kết tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế nơi cư trú, nơi học tập, nơi làm việc; chịu sự giám sát, theo dõi của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Đề xuất phương án xử lý trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm nghĩa vụ.

3. Trường hợp cần thiết, người làm công tác xã hội đề nghị với cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án tổ chức phiên họp để đánh giá khả năng phục hồi của người chưa thành niên. Nội dung phiên họp nhằm xem xét, đánh giá nguyên nhân, điều kiện, mức độ vi phạm, khả năng phục hồi của người chưa thành niên để lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng phù hợp. Phiên họp có sự tham gia của người chưa thành niên, người đại diện của người chưa thành niên, bị hại (nếu có), người làm công tác xã hội. Trường hợp xét thấy không cần thiết tổ chức phiên họp thì cơ quan tiến hành tố tụng thông báo cho người làm công tác xã hội biết.

Trường hợp người chưa thành niên có thể được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tham gia chương trình học tập, dạy nghề hoặc tham gia điều trị và

tư vấn tâm lý thì người làm công tác xã hội phải phối hợp, thống nhất với cơ sở giáo dục, dạy nghề, khám bệnh, chữa bệnh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan để xác định cụ thể nội dung, chương trình học tập, học nghề, điều trị tâm lý phù hợp với người chưa thành niên.

Điều 61. Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch xử lý chuyển hướng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người chưa thành niên;

c) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên;

d) Họ và tên của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp; Thư ký phiên họp;

đ) Đại diện Viện kiểm sát kiểm sát phiên họp trong trường hợp Cơ quan điều tra, Tòa án mở phiên họp;

e) Họ và tên, nơi làm việc của người bào chữa;

g) Họ và tên người phiên dịch (nếu có);

e) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp;

3. Thành phần tham gia phiên họp gồm có:

a) Người tiến hành phiên họp: Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát; Thẩm phán; Thư ký phiên họp;

b) Người tham gia phiên họp: Kiểm sát viên kiểm sát phiên họp; Điều tra viên trong trường hợp người ra quyết định mở phiên họp là Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát;

c) Người tham gia phiên họp khác: Người chưa thành niên, người đại diện, người bào chữa của người chưa thành niên, bị hại (nếu có), người làm công tác xã hội, cá nhân, đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được tổ chức trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp. Quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều này ngay sau khi ra quyết định.

Điều 62. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp kiểm tra sự có mặt của những người được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp phải giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp;

c) Người chưa thành niên bị buộc tội, người đại diện của người chưa thành niên trình bày ý kiến về nội dung đề nghị;

d) Người bào chữa trình bày ý kiến về căn cứ áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; nhân thân của người chưa thành niên; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; hình thức, biện pháp đã giáo dục (nếu có); đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Người làm công tác xã hội, người giám định, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, đại diện của nhà trường nơi người chưa thành niên học tập, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên làm việc, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức của thành viên của Mặt trận nơi người chưa thành niên cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp điều hành việc hỏi để làm rõ các vấn đề có liên quan;

g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

k) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

3. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được tiến hành thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Việc hỏi người chưa thành niên phải phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ phát triển, trình độ văn hóa và hiểu biết của họ. Câu hỏi cần ngắn

gọn, đơn giản, dễ hiểu, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc. Người đại diện của người chưa thành niên có thể hỗ trợ họ tại phiên họp.

4. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoãn phiên họp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Phải thay đổi người tiến hành phiên họp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không có người tiến hành phiên họp khác thay thế;
- b) Người phiên dịch vắng mặt mà không có người khác thay thế ngay được;
- c) Người chưa thành niên, người đại diện của họ, người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng.

5. Thời hạn hoãn phiên họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Điều 63. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán.

2. Sau khi kết thúc phiên họp, Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

3. Kiểm sát viên, người chưa thành niên, người đại diện, người bào chữa của người chưa thành niên được xem biên bản phiên họp, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp và ký xác nhận.

Mục 3

THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 64. Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong các trường hợp sau đây:

- 1. Theo đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật này.
- 2. Theo đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng của Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật này.
- 3. Tòa án tự mình xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Luật này.

4. Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này.

Điều 65. Quyết định mở phiên họp áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án và văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan đề nghị) hoặc trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nếu xét thấy người chưa thành niên có đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Thẩm phán phải xem xét ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;
- b) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số định danh cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (nếu có) của người chưa thành niên;
- c) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên;
- d) Tên cơ quan đề nghị;
- đ) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;
- e) Họ và tên Kiểm sát viên;
- g) Họ và tên, nơi làm việc của người bào chữa;
- h) Họ và tên người làm công tác xã hội (nếu có);
- i) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp (nếu có).

3. Thành phần phiên họp:

- a) Người tiến hành phiên họp gồm có: Thẩm phán, Thư ký phiên họp;
- b) Người tham gia phiên họp gồm có: Đại diện cơ quan đề nghị; Kiểm sát viên kiểm sát phiên họp.
- c) Người tham gia phiên họp khác gồm có: người chưa thành niên, người đại diện của người chưa thành niên; người bào chữa, người làm công tác xã hội (nếu có);
- d) Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện nhà trường nơi người chưa thành niên học tập và các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người chưa thành niên cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan.

4. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng được tổ chức trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp. Ngay sau khi ra quyết định mở phiên họp, Tòa án

phải gửi quyết định này cho những người quy định tại các điểm b, c khoản 3 Điều này và Viện kiểm sát cùng cấp.

Điều 66. Yêu cầu bổ sung tài liệu

1. Thẩm phán yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát bổ sung tài liệu trong trường hợp hồ sơ vụ án có tài liệu chưa rõ hoặc có mâu thuẫn cần bổ sung, làm rõ.

2. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ tài liệu cần bổ sung và lý do của việc yêu cầu bổ sung.

3. Thời hạn bổ sung tài liệu là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; đối với trường hợp cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn hoặc trường hợp phức tạp khác thì Thẩm phán có thể quyết định thời hạn bổ sung tài liệu là không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu bổ sung cho Tòa án; trường hợp không bổ sung được tài liệu thì phải trả lời hoặc giải trình bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ quan được yêu cầu không bổ sung tài liệu, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 67. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp phải kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp;

b) Thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia phiên họp.

c) Đại diện cơ quan đề nghị trình bày nội dung và căn cứ đề nghị;

d) Người chưa thành niên, người đại diện của họ, người bào chữa trình bày ý kiến;

đ) Người làm công tác xã hội tham gia phiên họp trình bày báo cáo điều tra xã hội, khả năng phục hồi của người chưa thành niên;

e) Người giám định, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện của nhà trường nơi người chưa thành niên học tập, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên làm việc, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức của thành viên của Mặt trận nơi người chưa thành niên cư trú và những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

g) Thẩm phán hỏi đại diện cơ quan đề nghị; người chưa thành niên, người đại diện của họ và những người khác tham gia phiên họp để làm rõ các vấn đề có liên quan;

h) Người chưa thành niên, người đại diện của họ; người bào chữa tranh luận các vấn đề có liên quan với đại diện cơ quan đề nghị. Việc tranh luận được tiến hành theo sự điều hành của Thẩm phán. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán tiến hành phiên họp không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan đến vụ việc hoặc ý kiến lặp lại;

i) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật này;

k) Thẩm phán quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng thủ tục biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

3. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng phải được tổ chức thân thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này.

4. Tòa án xem xét hoãn phiên họp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phải thay đổi Thẩm phán, Thư ký phiên họp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không có Thẩm phán, Thư ký khác thay thế;

b) Người phiên dịch vắng mặt mà không có người khác thay thế ngay được;

c) Người chưa thành niên, người đại diện của họ; người bào chữa của người chưa thành niên, đại diện cơ quan đề nghị vắng mặt mà có lý do chính đáng.

5. Thời hạn hoãn phiên họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Điều 68. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của Thẩm phán.

2. Sau khi kết thúc phiên họp, Thẩm phán phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

3. Kiểm sát viên, người chưa thành niên, người đại diện của họ, người bào chữa, đại diện cơ quan đề nghị được xem biên bản phiên họp, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên họp và ký xác nhận.

Điều 69. Giải quyết trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị áp

dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thì trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự.

2. Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên đang áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cư trú thì người chưa thành niên tiếp tục thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng đã được áp dụng.

Mục 4

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 70. Người có quyền khiếu nại, kiến nghị

1. Khi có căn cứ cho rằng quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan điều tra tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có quyền kiến nghị quyết định đó.

2. Người chưa thành niên, bị hại, người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 71. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị

Thời hạn khiếu nại, kiến nghị là 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người có quyền khiếu nại, kiến nghị không thực hiện được quyền khiếu nại, kiến nghị theo đúng thời hạn thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hạn khiếu nại, kiến nghị.

Điều 72. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại, kiến nghị

1. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

2. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Phó Viện

trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

3. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Thẩm phán trong quá trình xem xét, áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng do Chánh án Tòa án xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này là quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 73. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị phải ra một trong các quyết định sau:

a) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, hủy quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và đình chỉ việc thi hành áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự;

b) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị về việc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, hủy quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền mở lại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và sửa quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc giữ nguyên quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị cho người đã khiếu nại, kiến nghị. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị có hiệu lực ngay và là quyết định cuối cùng.

Chương VI

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP

XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Mục 1

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 74. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền;

b) Lựa chọn tổ chức, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Chỉ đạo tổ chức các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống, các dịch vụ y tế, xã hội, hoạt động cộng đồng trên địa bàn để tạo điều kiện cho người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tham gia;

d) Hỗ trợ cho người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được hưởng ưu tiên chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người chưa thành niên theo quy định;

đ) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó;

e) Chỉ đạo lập dự toán kinh phí cho việc thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

g) Báo cáo cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng về kết quả chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng của người chưa thành niên;

h) Tổ chức tập huấn cho người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) có nhiệm vụ đầu mối tham mưu, trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Căn cứ vào nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh của người chưa thành niên chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng; năng lực, khối lượng công việc và ý kiến của các cá nhân thuộc danh sách người trực tiếp giám sát, giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật này, đề xuất người trực tiếp giám sát, giáo dục để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

b) Phối hợp với người làm công tác xã hội cùng thực hiện giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giám sát, giáo dục, hỗ trợ người chưa thành niên theo kế hoạch xử lý chuyển hướng;

c) Phối hợp với Công chức văn hóa-xã hội cấp xã tổ chức việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại địa phương khi cần thiết.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Cơ sở giáo dục, dạy nghề, y tế được xác định thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm thi hành biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên theo quy chế hoạt động của cơ sở, tổ chức mình.

4. Cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 75. Trách nhiệm của gia đình trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Gia đình của người chưa thành niên có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục và thông báo kết quả thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng của người chưa thành niên cho người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu; phải có mặt tại cuộc họp lập biên bản vi phạm nghĩa vụ của người chưa thành niên theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục.

Điều 76. Lựa chọn người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được lựa chọn trong số các cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công an cấp xã tham mưu, lập danh sách những người sau đây, để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

- a) Người làm công tác xã hội;
- b) Công chức tư pháp - hộ tịch;
- c) Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã;

d) Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư có đạo đức tốt, có điều kiện, khả năng và kinh nghiệm trong việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên.

Điều 77. Trách nhiệm của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm như sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, giáo dục;
- b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và gia đình trong việc giám sát, giáo dục;
- c) Phối hợp với công chức văn hóa - xã hội cấp xã; Công an cấp xã và người có liên quan trong việc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;
- d) Theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;
- đ) Định kỳ hằng tháng nhận xét, đánh giá tình hình, kết quả thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng vào sổ theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch giám sát, giáo dục;
- e) Báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người được giám sát, giáo dục để có biện pháp ngăn ngừa, quản lý, giáo dục phù hợp;
- g) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc người chưa thành niên vi phạm nghĩa vụ và phối hợp cùng Công an cấp xã lập biên bản vi phạm của người chưa thành niên;
- h) Báo kết quả việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng định kỳ hằng tháng nhận xét, đánh giá tình hình, kết quả thi hành vào Sổ theo dõi.

3. Trường hợp người chưa thành niên thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quản thúc tại gia đã chấp hành một phần hai thời hạn và có nhiều tiến bộ thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng này để xem xét quyết định chấm dứt trước thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn, quản thúc tại gia đình.

4. Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có quyền tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 78. Giải quyết trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng vi phạm nghĩa vụ

1. Trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phối hợp với người làm công tác xã hội lập biên bản vi phạm có sự tham gia của người chấp hành hoặc người đại diện của họ; báo cáo bằng văn bản tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để đề nghị cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xem xét gia hạn hoặc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tiếp tục

phạm tội thì phải đình chỉ thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại Điều 86 của Luật này.

Điều 79. Trường hợp gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người được áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các điều từ Điều 41 đến Điều 51 của Luật này có thể bị gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu trong thời gian thực hiện nghĩa vụ mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần.

2. Việc gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng chỉ được thực hiện 01 lần, thời gian gia hạn không quá một phần hai mức thời hạn cao nhất của biện pháp xử lý chuyển hướng đó.

Điều 80. Thủ tục đề nghị gia hạn thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải ra quyết định gia hạn hoặc không gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày.

2. Quyết định gia hạn thời gian áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định, không bị khiếu nại, kiến nghị.

Điều 81. Trường hợp thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người được áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các điều từ Điều 41 đến Điều 51 của Luật này có thể được thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng nếu xét thấy biện pháp được áp dụng không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh khách quan hoặc không đạt được mục đích giáo dục, cải tạo.

2. Người được áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các điều từ Điều 41 đến Điều 51 của Luật này có thể bị thay đổi để áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trong thời gian thực hiện nghĩa vụ đã được gia hạn tại khoản 1 Điều 80 của Luật này;

b) Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên trong thời gian thực hiện nghĩa vụ.

3. Việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại khoản 1 Điều này được thực hiện 01 lần.

Điều 82. Thủ tục thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận văn bản đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải ra quyết định thay đổi hoặc không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị khiếu nại, kiến nghị và phải gửi cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, người đại diện của họ (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng cư trú.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải có văn bản đề nghị Tòa án thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án xem xét quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng.

4. Hồ sơ đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng về vi phạm nghĩa vụ;

c) Biên bản vi phạm nghĩa vụ;

d) Tài liệu khác có liên quan.

5. Thủ tục xem xét, quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng thực hiện theo quy định tại mục 3 Chương V của Luật này.

Điều 83. Trường hợp chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Người đang thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 10, 11 Điều 36 của Luật này, đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và có nhiều tiến bộ thì có thể được chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 84. Thủ tục chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trường hợp người đang thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng thuộc trường hợp quy định tại Điều 83 của Luật này thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng báo cáo bằng văn bản tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để đề nghị cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xem xét chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận văn bản đề nghị chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải ra quyết định chấm dứt hoặc không

chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Quyết định chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và không bị khiếu nại, kiến nghị.

4. Quyết định chấm dứt trước thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải gửi cho người chấp hành, người đại diện của họ (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng cư trú.

Điều 85. Chứng nhận chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi hết thời hạn thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phối hợp với người làm công tác xã hội xây dựng Báo cáo kết quả thi hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả thi hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được gửi cho người chấp hành, người đại diện của họ (nếu có), cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng lưu Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 86. Đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các trường hợp đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

a) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng thực hiện hành vi phạm tội mới;

b) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng chết;

c) Đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật này.

2. Khi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để ra quyết định đình chỉ thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Ngay sau khi nhận được thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng ra quyết định đình chỉ thi hành biện pháp

xử lý chuyển hướng.

4. Trường hợp đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mới.

Điều 87. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng do ngân sách nhà nước cấp. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm chi cho việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài để tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn nội dung chi, mức chi cụ thể cho các khoản chi thực hiện việc tổ chức thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng.

Mục 2

THI HÀNH BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 88. Điều kiện cơ sở vật chất của trường giáo dưỡng

1. Trường giáo dưỡng phải bảo đảm có các khu vực nhà ở, học tập, giải trí sinh hoạt chung và được bố trí, thiết kế phù hợp với người chưa thành niên.

Buồng ở trong khu vực nhà ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi học sinh là 2,5 m².

2. Mỗi trường giáo dưỡng được thành lập một thư viện; mỗi phân hiệu của trường được thành lập một phòng đọc sách, báo, khu vui chơi, nhà luyện tập thể dục, thể thao, sân thể thao để học sinh rèn luyện thể lực; được trang bị hệ thống truyền thanh, truyền hình.

3. Mỗi phòng ở tập thể được trang bị tivi, được phát sách, báo phù hợp với học sinh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 89. Thủ tục thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án phải gửi quyết định cho người chưa thành niên, người đại diện của họ và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ và bàn giao người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản sao quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng;
- c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Danh bản;
- đ) Bản sao Báo cáo điều tra xã hội;
- e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5. Khi tiếp nhận người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng (sau đây gọi là học sinh), Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho người đại diện của người đó.

Điều 90. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Người chưa thành niên có thể được hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp sau đây:

- a) Bị bệnh nặng, đang cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được bệnh viện xác nhận;
- b) Có lý do chính đáng khác được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xác nhận.

2. Đối với trường hợp hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có nhiệm vụ làm thủ tục đề nghị Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng xem xét, quyết định hoãn. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc của người đại diện của họ;
- b) Kết luận của bệnh viện về tình trạng bệnh của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- c) Giấy bảo lãnh của người đại diện của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bị bệnh nặng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Tòa án cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định tạm đình chỉ. Hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án cấp huyện phải xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

a) Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, người đại diện của người đó;

b) Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng (nếu có);

c) Viện kiểm sát cùng cấp;

d) Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp tạm đình chỉ.

6. Khi không còn lý do hoãn, tạm đình chỉ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định và đưa người đó vào trường giáo dưỡng.

Điều 91. Giải quyết trường hợp người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn

1. Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú phải ra quyết định truy tìm;

b) Trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định và tổ chức truy tìm.

2. Ủy ban nhân dân và cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn.

3. Khi phát hiện người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn đang bị truy tìm thì giải quyết như sau:

a) Người phát hiện có trách nhiệm báo cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này. Khi tiếp nhận, cơ quan công an phải lập biên bản, lấy lời khai, lưu giữ và quản lý người bỏ trốn, thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy tìm biết và cử người đến nhận.

Việc lấy lời khai phải bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, có thể có sự tham gia

của người đại diện hoặc người làm công tác xã hội;

b) Khi nhận được thông báo, cơ quan thi hành án hình sự, trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận và đưa người đó vào trường giáo dưỡng. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an;

c) Việc giao, nhận người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh bỏ trốn phải lập biên bản.

4. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Thời gian lưu giữ được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

5. Khi bắt giữ mà người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh có hành vi chống đối thì bị áp dụng biện pháp áp giải, bắt giữ theo quy định. Việc áp giải, bắt giữ không làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm sinh lý của người chưa thành niên. Không áp giải người chưa thành niên vào ban đêm.

6. Trường hợp tại thời điểm áp giải, bắt giữ theo quy định tại khoản 3 Điều này mà học sinh chưa đủ 18 tuổi thì phải chấp hành phần thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng còn lại.

Điều 92. Chế độ quản lý học sinh

1. Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường. Cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng phải là người am hiểu tâm sinh lý hoặc có kinh nghiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến người chưa thành niên.

2. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các đội, lớp, tổ, nhóm và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

Điều 93. Thực hiện lệnh trích xuất học sinh

1. Khi có văn bản yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc trích xuất học sinh thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất.

2. Trường hợp cần trích xuất học sinh phục vụ yêu cầu giáo dục hoặc khám bệnh, chữa bệnh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra lệnh trích xuất.

3. Nội dung lệnh trích xuất thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

4. Cơ quan yêu cầu trích xuất chịu trách nhiệm đưa và trả học sinh được trích xuất đến trường giáo dưỡng đúng thời gian đã ghi trong lệnh trích xuất; khi giao nhận phải lập biên bản. Chi phí cho việc đi lại, ăn, ở của học sinh được trích xuất do ngân sách nhà nước bảo đảm, trừ trường hợp học sinh được đưa về gia đình chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

Thời gian trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 94. Chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề và lao động của học sinh

1. Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức dạy học văn hóa cho học sinh chưa đạt phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.

Trường hợp không thể bố trí giáo viên dạy các môn bắt buộc theo quy định của giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì phải phối hợp cùng trường học gần nhất với Trường giáo dưỡng để tổ chức, liên kết lớp học trực tuyến cho học sinh. Việc mở lớp học trực tuyến phải bảo đảm an toàn, tránh kỳ thị, ảnh hưởng tới tất cả các học sinh. Trường học khi có đề nghị phối hợp mở lớp học trực tuyến thì phải bố trí kết nối cho các học sinh theo học.

2. Ngoài giờ học tập, học sinh phải tham gia lao động do trường tổ chức. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

Thời gian lao động của học sinh không được nhiều hơn thời gian học tập. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần.

Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ sinh hoạt, học tập và bổ sung vào quỹ hòa nhập cộng đồng, quỹ khen thưởng của học sinh.

3. Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 95. Chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí của học sinh

1. Ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.

2. Ngoài thời gian tham gia các hoạt động giáo dục, học tập, lao động, sinh hoạt chung, học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách in được xuất bản, phát hành hợp pháp mỗi tuần một lần. Học sinh theo tôn giáo đăng ký với cán bộ, giáo viên nhà trường việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cá nhân tại địa điểm, thời gian do Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quy định và không làm ảnh hưởng đến người khác. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm quản lý, kiểm duyệt kinh sách trước khi cho học sinh sử dụng.

3. Khuyến khích học sinh phát huy năng lực, sở trường về âm nhạc, hội họa, văn học, nghệ thuật.

Điều 96. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi

1. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc hình thức thi khác.

2. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học tập của học sinh phải theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi có trường giáo dưỡng cấp chứng chỉ học văn hóa cho học sinh.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có trường giáo dưỡng cấp chứng chỉ học nghề cho học sinh.

Điều 97. Chế độ ăn, mặc của học sinh

1. Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, muối, chất đốt.

Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, học sinh được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Học sinh được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sỹ hoặc bác sĩ chỉ định.

2. Hằng năm, học sinh được cấp quần áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 98. Chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

1. Căn cứ vào giới tính, độ tuổi, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của học sinh, trường sắp xếp chỗ ở, sinh hoạt phù hợp trong các buồng tập thể. Một buồng tập thể không quá 08 học sinh.

2. Học sinh được bố trí giường nằm có chiếu trải, gối, chăn đắp và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.

Điều 99. Chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh trường giáo dưỡng

1. Học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do trường giáo dưỡng chi trả.

Trường hợp có cơ sở khám chữa bệnh tư nhân đủ khả năng điều trị mà tự nguyện khám, chữa bệnh miễn phí cho học sinh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

2. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước cấp. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 100. Thủ tục giải quyết trường hợp học sinh chết

1. Trường hợp học sinh chết, Hiệu trưởng phải báo ngay cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng để xác định nguyên nhân chết; đồng thời phải báo ngay cho thân nhân của người chết biết.

2. Sau khi Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho phép mai táng, trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Kinh phí cho việc mai táng do ngân sách nhà nước cấp. Trường hợp thân nhân của người chết đề nghị nhận tử thi để mai táng và tự chịu chi phí thì trường giáo dưỡng giao cho thân nhân của người chết thực hiện. Việc tổ chức mai táng phải bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

Điều 101. Chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận quà của học sinh trường giáo dưỡng

1. Học sinh được gặp thân nhân tại nơi tiếp đón của trường giáo dưỡng và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp.

2. Học sinh được gửi và nhận thư, nhận quà là tiền, đồ vật, trù rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hóa phẩm thuộc danh mục cấm. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, quà trước khi học sinh gửi hoặc nhận. Học sinh có tiền hoặc giấy tờ có giá thì phải gửi trường giáo dưỡng để quản lý và sử dụng theo quy định của trường giáo dưỡng.

Điều 102. Giải quyết trường hợp học sinh có việc tang hoặc trường hợp khó khăn đặc biệt

1. Khi có việc tang của gia đình gồm: bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng, anh, chị, em ruột hoặc có trường hợp khó khăn đặc biệt và có đơn xin bảo lãnh của thân nhân gia đình hoặc người làm công tác xã hội được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể xem xét cho học sinh về gia đình không quá 05 ngày, không kê thời gian đi đường. Thời gian về gia đình được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Khi giải quyết cho học sinh về gia đình, đại diện thân nhân gia đình hoặc người làm công tác xã hội đến nhận học sinh và viết cam kết quản lý học sinh trong thời gian được về nhà và chịu trách nhiệm đưa học sinh trở lại trường giáo dưỡng đúng thời gian quy định.

3. Hết thời gian được về gia đình, học sinh phải tự giác đến chấp hành, nếu

không tự giác thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng tổ chức đưa học sinh đó trở lại trường giáo dưỡng; nếu học sinh trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định truy tìm.

Điều 103. Chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Học sinh đã chấp hành được một phần hai thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, tích cực học tập, tu dưỡng và chấp hành tốt nội quy của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Hồ sơ đề nghị phải có các tài liệu sau:

a) Bản nhận xét việc chấp hành tích cực học tập, tu dưỡng và chấp hành tốt nội quy của trường giáo dưỡng;

b) Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Chánh án Tòa án xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với học sinh.

3. Tòa án đã ra quyết định chấm dứt trước thời hạn phải gửi quyết định đó cho học sinh, trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, người đại diện của học sinh.

4. Ngay sau khi nhận được quyết định, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải làm thủ tục cho học sinh ra trường.

Điều 104. Khen thưởng, xử lý vi phạm đối với học sinh

1. Học sinh chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nội quy của trường giáo dưỡng, có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên hoặc lập công thì được Hiệu trưởng quyết định khen thưởng bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Biểu dương, tặng giấy khen, tặng quà;

b) Cho đi thăm quan do trường giáo dưỡng tổ chức;

c) Được sum họp gia đình tại trường từ 01 đến 03 ngày.

2. Học sinh vi phạm kỷ luật học tập, lao động hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy của trường giáo dưỡng, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hiệu trưởng quyết định xử lý bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Nhắc nhở;

b) Viết bản kiểm điểm;

c) Tạm dừng một số hoạt động giải trí không quá 03 ngày.

3. Quyết định khen thưởng hoặc xử lý vi phạm được lưu vào hồ sơ học sinh.

Điều 105. Thủ tục cho học sinh ra trường

1. Hai tháng trước khi học sinh hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và gia đình họ biết ngày ra trường.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cho học sinh ra trường và gửi giấy chứng nhận này cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

3. Học sinh khi ra trường phải trả lại đồ dùng được trường cho mượn; được nhận lại tiền, giấy tờ có giá, tài sản và đồ vật gửi trường quản lý, các chứng chỉ học văn hóa, học nghề; được cấp tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú. Trường hợp hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà học sinh vẫn chưa tiến bộ thì Hiệu trưởng phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp giáo dục tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

4. Đối với học sinh đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà không rõ cha, mẹ, nơi cư trú thì trường có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trường hoặc người làm công tác xã hội để đề nghị giúp đỡ, sắp xếp chỗ ăn, ở và tạo việc làm, học tập.

5. Đối với học sinh dưới 16 tuổi hoặc bị ốm đau, bệnh tật đến ngày được ra trường mà không có thân nhân đến đón thì trường giáo dưỡng phải cử người đưa về giao cho gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra trường, học sinh đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi về cư trú.

Điều 106. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Chi phí tổ chức thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng do ngân sách nhà nước cấp. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm chi cho việc thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng giáo dục tại trường giáo dưỡng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình đề Bộ Công an gửi Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường giáo dưỡng được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của Ủy ban nhân dân địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài để tổ chức dạy văn hóa, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề, mua sắm đồ dùng học tập và sinh hoạt cho học sinh.

Phần thứ ba

HÌNH PHẠT VÀ THỦ TỤC TỐ TỤNG

ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Chương VII

HÌNH PHẠT

Mục 1

CÁC HÌNH PHẠT

Điều 107. Các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:

1. Cảnh cáo;
2. Phạt tiền;
3. Cải tạo không giam giữ;
4. Tù có thời hạn.

Điều 108. Cảnh cáo

Cảnh cáo được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do vô ý và có tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Điều 109. Phạt tiền

1. Phạt tiền được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, nếu người đó có thu nhập, có tài sản riêng hoặc cha mẹ, người thân thích của người chưa thành niên có tài sản và tự nguyện thực hiện.

2. Mức tiền phạt đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.

3. Mức tiền phạt đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội không quá một phần ba mức tiền phạt mà điều luật quy định.

Điều 110. Cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

2. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

3. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

Điều 111. Tù có thời hạn

Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như sau:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 15 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định khi phạm một trong các tội sau đây:

- a) Tội giết người;
- b) Tội hiếp dâm;
- c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

3. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 09 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù. Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định khi phạm một trong các tội sau đây:

- a) Tội giết người;
- b) Tội hiếp dâm;
- c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mục 2

QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT, TỔNG HỢP HÌNH PHẠT, MIỄN GIẢM HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH

Điều 112. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo nguyên tắc quy định tại Bộ luật Hình sự.

2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại các điều 109, 110 và Điều 111 của Luật này.

Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các điều 109, 110 và 111 của Luật này.

Điều 113. Tổng hợp hình phạt phạm nhiều tội trong cùng một vụ án

1. Khi xét xử người chưa thành niên phạm nhiều tội trong cùng một vụ án, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định của Bộ luật Hình sự:

a) Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ, mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm;

b) Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn, mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 15 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 09 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn, mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm một trong các tội quy định tại khoản 2 Điều 111 của Luật này.

2. Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

Điều 114. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

1. Tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với các bản án đã xét xử trước đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 113 của Luật này.

Điều 115. Giảm mức hình phạt đã tuyên

1. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, sẽ được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, sẽ được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát.

Điều 116. Án treo

Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án có thể cho hưởng án treo đồng thời quyết định thời gian thử thách và các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Thời gian thử thách bằng thời gian chấp hành án phạt tù nhưng không được dưới 01 năm và không được quá 03 năm.

Điều 117. Hoãn chấp hành hình phạt tù

Người chưa thành niên có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định của Bộ luật Hình sự;

2. Trường hợp người chưa thành niên đủ điều kiện và đã đăng ký tham dự hoặc đang tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc phải tham gia thi tốt nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cơ sở giáo dục nơi người đó học tập xác nhận thì được hoãn cho đến khi thực hiện xong kỳ thi.

Điều 118. Tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người chưa thành niên đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;
- b) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;
- c) Có nơi cư trú rõ ràng.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập hồ sơ đề nghị xét tha tù khi đủ điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị.

3. Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện như sau:

- a) Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án

quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù;

b) Thời điểm xét tha tù có điều kiện được thực hiện ngay khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách, thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách, Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 114 của Luật này;

d) Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.

Điều 119. Xóa án tích

1. Người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 03 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 06 tháng trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

Chương VIII

THỦ TỤC TỔ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ NGƯỜI BỊ TỔ GIÁC, NGƯỜI BỊ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ, NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 120. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng

1. Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên.
2. Điều kiện sinh sống và giáo dục.
3. Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục.
4. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội.

Điều 121. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

1. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội không quá một phần hai thời hạn tương ứng được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp vụ án có tính chất phức tạp thì thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Thời hạn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng không tính vào thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Điều 122. Bào chữa

1. Người chưa thành niên bị buộc tội có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.
2. Người đại diện của người chưa thành niên bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên bị buộc tội.
3. Trường hợp người chưa thành niên và người đại diện của họ nhờ người bào chữa khác nhau thì phải lựa chọn theo ý kiến của người chưa thành niên.
4. Trường hợp người chưa thành niên bị buộc tội mà không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 123. Thông báo về hoạt động tố tụng

1. Trước khi tiến hành hoạt động tố tụng, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước trong thời gian hợp lý cho người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội biết về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Việc thông báo phải bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của người ra thông báo và người được thông báo. Trường hợp

cần bảo đảm sự có mặt kịp thời của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

3. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội khi nhận được thông báo phải thông tin kịp thời về việc có mặt và tham gia tố tụng của họ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

Điều 124. Việc tham gia tố tụng của người đại diện

1. Người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội có quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Những trường hợp không được làm người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội:

a) Việc tham gia tố tụng của người này gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của người chưa thành niên, làm giảm khả năng xác định sự thật của vụ án;

b) Hành vi của người này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

3. Người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội được đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo; đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội người chưa thành niên trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra.

4. Người đại diện của người chưa thành niên bị buộc tội khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; phát biểu ý kiến, tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

5. Ngay sau khi thụ lý vụ việc, vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo bằng văn bản cho người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản.

6. Người đại diện phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo.

Điều 125. Việc tham gia tố tụng của tổ chức

1. Đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi người chưa thành niên học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này khi tham gia tố tụng có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; phát biểu ý kiến, tranh luận.

Điều 126. Giữ bí mật thông tin của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội

1. Các thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên không được công khai.

2. Các tài liệu, chứng cứ, thông tin có liên quan đến nhân thân, hành vi phạm tội của người chưa thành niên chỉ được sử dụng cho việc giải quyết vụ án, nghiêm cấm sử dụng vào mục đích khác.

3. Trong trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín nhưng phải tuyên công khai phần quyết định của bản án.

Mục 2

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ

Điều 127. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

- a) Giữ người trong trường hợp khẩn cấp;
- b) Bắt người theo các trường hợp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự;
- c) Tạm giữ;
- d) Tạm giam;
- đ) Giám sát điện tử;
- e) Giám sát tại nhà;
- g) Bảo lĩnh;
- h) Đặt tiền để bảo đảm;
- i) Cấm đi khỏi nơi cư trú;
- k) Tạm hoãn xuất cảnh.

2. Biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

- a) Áp giải, dẫn giải;
- b) Kê biên tài sản;
- c) Phong tỏa tài khoản.

3. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho người đại diện của họ biết.

Điều 128. Áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự nếu thuộc trường hợp áp

dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và người có thẩm quyền phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người chưa thành niên. Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.

4. Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do ngay cho người chưa thành niên.

Điều 129. Áp dụng biện pháp tạm giữ

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị tạm giữ về tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự;

Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn hoặc bị bắt theo quyết định truy nã.

3. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ một lần nhưng không quá 03 ngày.

Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

Điều 130. Tạm giam

1. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;
- b) Không có nơi cư trú;
- c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có căn cứ xác định người này sẽ bỏ trốn;
- d) Tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội;
- đ) Có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

2. Trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thì có thể bị áp dụng biện pháp tạm giam khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong trường hợp:

- a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;
- b) Tiếp tục phạm tội;
- c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;
- d) Có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội rất nghiêm trọng do cố ý, tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;
- b) Không có nơi cư trú;
- c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có căn cứ xác định người này sẽ bỏ trốn;
- d) Tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội;
- đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

4. Trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý, tội nghiêm trọng do cố ý thì có thể bị áp dụng biện pháp tạm giam khi có căn cứ xác định người đó thuộc một

trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Có thể áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn hoặc bị bắt theo quyết định truy nã.

6. Thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên bị buộc tội không quá một phần hai thời hạn tạm giam đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Khi không còn căn cứ để tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Trường hợp thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì thời hạn tạm giam không quá hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

7. Trường hợp người chưa thành niên đang bị tạm giam mà có căn cứ áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì cơ quan tiến hành tố tụng phải thay đổi ngay biện pháp ngăn chặn khác phù hợp.

Điều 131. Giám sát tại nhà

1. Giám sát tại nhà có thể bị áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo khi người đại diện của họ đề nghị và cam kết thực hiện nhiệm vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Người chưa thành niên được giám sát tại nhà phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

3. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có thể ra quyết định giao người chưa thành niên là bị can, bị cáo cho gia đình của họ để thực hiện việc giám sát.

4. Thời hạn giám sát tại nhà không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật này.

5. Người ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát tại nhà phải thông báo

về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú và giao bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn để quản lý, theo dõi họ.

Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú và phải có giấy cho phép của người đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát tại nhà.

6. Nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú phải báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát tại nhà biết để xử lý theo thẩm quyền.

7. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn này được thực hiện theo quy định về hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 132. Giám sát điện tử

1. Giám sát điện tử có thể bị áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Người chưa thành niên được giám sát điện tử phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này;

d) Không tháo, phá hủy thiết bị giám sát điện tử.

Trường hợp người chưa thành niên là bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

3. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có thể quyết định gắn thiết bị điện tử có chức năng giám sát đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên.

4. Thời hạn giám sát điện tử không quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 121 của Luật này.

5. Người ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú và giao bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn để quản lý, theo dõi họ.

Công an cấp xã nơi người chưa thành niên là bị can, bị cáo cư trú thực hiện việc gắn thiết bị điện tử và trực tiếp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo dõi người chưa thành niên trong quá trình áp dụng biện pháp này.

Trường hợp người chưa thành niên là bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú và phải có giấy cho phép của người đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử.

6. Nếu người chưa thành niên là bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú phải báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử biết để xử lý theo thẩm quyền.

7. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp này được thực hiện theo quy định về hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 133. Áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải

1. Áp giải có thể áp dụng đối với người chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; bị can, bị cáo đang bị tạm giam từ nơi giam giữ đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử;

b) Người chưa thành niên là bị can, bị cáo đã có giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

2. Dẫn giải có thể áp dụng đối với người chưa thành niên bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó liên quan đến hành vi phạm tội được khởi tố vụ án, đã được triệu tập mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

3. Khi áp giải, dẫn giải người chưa thành niên thì không còng tay hoặc áp dụng các biện pháp mang tính cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành niên có hành vi chống đối, gây mất trật tự công cộng.

Mục 3

THỦ TỤC KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ

Điều 134. Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án có người chưa thành niên bị buộc tội

1. Khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án có người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, bí mật cá nhân và danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên.

2. Các thủ tục tố tụng thân thiện phải được áp dụng ngay từ giai đoạn tiếp

nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố vụ việc có người chưa thành niên.

3. Trong thời hạn 24 giờ, nếu Công an cấp xã tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm liên quan đến người chưa thành niên thì phải báo ngay bằng hình thức liên lạc nhanh nhất đến Cơ quan điều tra Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ việc hoặc Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

4. Khi tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, cần có thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ; cần chú ý đến trạng thái tinh thần của người chưa thành niên để áp dụng các biện pháp điều tra có hiệu quả.

Điều 135. Tách vụ án hình sự có người chưa thành niên phạm tội

1. Trong vụ án hình sự có người bị buộc tội là người chưa thành niên và người đã thành niên thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải tách vụ án hình sự đối với người chưa thành niên để giải quyết vụ án độc lập.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tách vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục điều tra, giải quyết vụ án theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Sau khi tách vụ án hình sự, Cơ quan điều tra giải quyết như sau:

a) Trường hợp người chưa thành niên đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì thực hiện theo quy định tại Phần thứ hai của Luật này.

b) Trường hợp người chưa thành niên không đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng hình sự và Chương VIII của Luật này.

Điều 136. Lấy lời khai, hỏi cung

1. Trường hợp lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội tại nơi tiến hành điều tra, truy tố thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai, hỏi cung bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của họ.

2. Khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức của người chưa thành niên; xem xét áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất thời gian, số lượng lần lấy lời khai, hỏi cung và phải tạm dừng ngay việc lấy lời khai, hỏi cung khi người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

3. Việc lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội phải có mặt người đại diện, người

bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Trường hợp cần thiết khi lấy lời khai, hỏi cung có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học tham gia.

4. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có thể hỏi người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội nếu được Điều tra viên, Kiểm sát viên đồng ý. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có thể hỏi người chưa thành niên. Điều tra viên, Kiểm sát viên có quyền yêu cầu không được hỏi và phải dừng ngay việc hỏi trong trường hợp câu hỏi của những người này có tính chất gợi ý, định hướng liên quan đến vụ án.

5. Thời gian lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp:

- a) Phạm tội có tổ chức;
- b) Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;
- c) Ngăn chặn người khác phạm tội;
- d) Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;
- đ) Vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

6. Biên bản lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội chỉ có giá trị pháp lý khi có sự tham gia của người bào chữa, trừ trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 137. Nhận dạng, nhận biết giọng nói

1. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể đưa người, ảnh hoặc vật để người chưa thành niên là bị can nhận dạng.

Trường hợp hình ảnh tử thi có hình dạng gây sợ hãi đối với người chưa thành niên thì phải chuẩn bị kỹ tâm lý hoặc sử dụng các thiết bị điện tử, hình ảnh mô phỏng phù hợp để nhận dạng.

2. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể cho người chưa thành niên là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can nhận biết giọng nói.

Số giọng nói được đưa ra để nhận biết ít nhất phải là ba và phải có âm sắc, âm lượng tương tự nhau.

3. Trong quá trình tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói, Điều tra viên tạo không khí thoải mái, động viên người chưa thành niên đưa ra nhận diện chính xác nhất có thể. Sau khi nhận dạng, nhận biết giọng nói đã xác nhận được một người, một vật, một ảnh hoặc tiếng nói trong số các giọng nói được đưa ra, Điều tra viên có thể không cần yêu cầu người chưa thành niên giải thích là họ đã

căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gì mà xác nhận được người, vật, ảnh, giọng nói đó.

4. Không tổ chức thời gian tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói sau 18 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

5. Việc cho người chưa thành niên nhận dạng, nhận biết giọng nói phải có mặt người đại diện hoặc người bào chữa của họ.

Điều 138. Đối chất

1. Việc đối chất với người chưa thành niên chỉ được thực hiện trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

2. Thời gian đối chất đối với người chưa thành niên không quá 01 lần trong một ngày và không quá 01 giờ. Người tiến hành tố tụng phải tạm dừng ngay việc đối chất khi người chưa thành niên có dấu hiệu mệt mỏi, căng thẳng.

3. Khi thực hiện việc đối chất, người tiến hành tố tụng có thể bố trí cho người tham gia đối chất ngồi ở phòng cách ly và sử dụng thiết bị điện tử hoặc màn che để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên.

4. Việc cho người chưa thành niên đối chất phải có mặt người bào chữa hoặc người đại diện của họ.

Điều 139. Khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể

1. Việc khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên phải có sự tham gia của người đại diện của họ.

2. Đảm bảo thời gian khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể người chưa thành niên được tiến hành nhanh nhất.

Mục 4

THỦ TỤC XÉT XỬ

Điều 140. Thẩm quyền xét xử vụ án hình sự

Tòa gia đình và người chưa thành niên có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên bị buộc tội. Đối với Tòa án chưa tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên thì việc xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên bị buộc tội do Thẩm phán quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này thực hiện.

Điều 141. Yêu cầu người làm công tác xã hội cung cấp thông tin

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán có thể yêu cầu người làm công tác xã hội báo cáo, đánh giá bằng văn bản về khả năng phục hồi của người chưa thành niên bị buộc tội. Người làm công tác xã hội có thể đề nghị biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên bị buộc tội.

Điều 142. Xét xử người chưa thành niên tại phòng xử án thân thiện

Tòa án xét xử bị cáo là người chưa thành niên tại phòng xử án thân thiện.

Điều 143. Phòng xử án thân thiện

1. Phòng xử án thân thiện phải có Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bàn, ghế, bảng nội quy phòng xử án, biển ghi chức danh của những người tiến hành tố tụng, biển ghi tư cách của người tham gia tố tụng và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác xét xử.

2. Vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng.

Người chưa thành niên tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người bào chữa, người đại diện của họ.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết điều này.

Điều 144. Thủ tục xét xử thân thiện

1. Phiên tòa phải được tổ chức xét xử kín, thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa mặc trang phục hành chính của Tòa án; Kiểm sát viên mặc trang phục phù hợp, không mặc trang phục Kiểm sát nhân dân.

2. Khi xét xử không dùng tay hoặc sử dụng các phương tiện cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành niên có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa hoặc hành động tiêu cực khác.

3. Người đại diện của người chưa thành niên có thể hỗ trợ người chưa thành niên trong việc trả lời câu hỏi của Thẩm phán, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khác.

4. Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa đề nghị người làm công tác xã hội trình bày Báo cáo điều tra xã hội đối với người chưa thành niên, đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có), gửi báo cáo điều tra xã hội bổ sung (nếu có) và những vấn đề khác có liên quan để bảo vệ người chưa thành niên.

5. Việc xét hỏi, tranh luận đối với người chưa thành niên tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu. Thẩm phán cần điều chỉnh phiên tòa phù hợp với mức độ tập trung của người chưa thành niên, có thời gian nghỉ khi cần thiết.

6. Khi xét xử, nếu xét thấy người chưa thành niên có đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì Hội đồng xét xử xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo. Quyết định này phải có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật này và có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp cần thiết phải đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng hoặc bổ sung kế hoạch xử lý chuyển hướng thì Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 10 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa, người làm công tác xã hội phải gửi kế hoạch xử lý chuyển hướng hoặc gửi kế hoạch xử lý chuyển hướng bổ sung cho Tòa án. Sau khi nhận được kế hoạch xử lý chuyển hướng hoặc kế hoạch xử lý chuyển hướng bổ sung, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều 145. Tuyên án

Khi tuyên án, Hội đồng xét xử chỉ công bố phần quyết định trong bản án. Sau khi tuyên án, có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án, quyền kháng cáo và những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Chương IX

THỦ TỤC TỔ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ BỊ HẠI, NGƯỜI LÀM CHỨNG

Điều 146. Bảo vệ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Việc tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, bí mật cá nhân và danh dự, nhân phẩm của họ. Hạn chế đến mức thấp nhất số lần tiếp xúc giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị can, bị cáo.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu sự lo lắng, căng thẳng của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng khi tham gia tố tụng.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng phải phối hợp với người làm công tác xã hội, cơ quan bảo vệ trẻ em có thẩm quyền và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan nhằm hỗ trợ, chăm sóc, bảo vệ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng.

4. Ưu tiên giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong thời gian sớm nhất.

5. Cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp, cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo vệ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng, người thân thích của họ được an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác khi các quyền, lợi ích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại.

6. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng không bị dẫn giải.

Điều 147. Sự tham gia của người đại diện và người hỗ trợ khác

1. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có quyền có người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cùng tham gia trong các hoạt động tố tụng. Trường hợp sự tham gia của người đại diện không vì lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên thì sau khi hỏi ý kiến người chưa thành niên, cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định một người đại diện khác cho người chưa thành niên.

2. Người đại diện của người chưa thành niên là bị hại được đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tố cáo.

Khi tham gia phiên tòa, người đại diện của người chưa thành niên là bị hại có quyền phát biểu ý kiến, tranh luận, kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án.

3. Ngay sau khi thụ lý vụ việc, vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo bằng văn bản cho người đại diện của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi bằng văn bản. Người đại diện phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo.

4. Trước khi tiến hành hoạt động tố tụng mà người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có quyền tham gia theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho họ theo quy định tại Điều 123 của Luật này.

5. Theo đề nghị của người chưa thành niên, người đại diện của họ hoặc khi xét thấy cần thiết, cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị người làm công tác xã hội tham gia tố tụng để hướng dẫn, hỗ trợ cho người chưa thành niên là bị hại và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của người làm công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp cần thiết, cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học hỗ trợ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng khi tham gia tố tụng.

7. Người chưa thành niên là bị hại được trợ giúp pháp lý miễn phí trong quá trình tố tụng.

Điều 148. Giữ bí mật thông tin của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

2. Nghiêm cấm tiết lộ thông tin về họ tên, nơi cư trú, học tập, làm việc, hình ảnh, thông tin nhận dạng khác của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

3. Khi tuyên án, Thẩm phán không được nêu họ tên, địa chỉ nơi cư trú, học tập, làm việc của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

4. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kịp thời đề nghị các cơ quan thông tin, truyền thông không đăng tải, gỡ các thông tin, hình ảnh liên quan đến vụ việc, vụ án, ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại là người chưa thành niên.

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp nghiệp vụ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ thông tin cá nhân, danh dự, nhân phẩm của bị hại là người chưa thành niên bị phát tán trên mạng Internet hoặc các mạng xã hội.

6. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan xử lý theo thẩm quyền đối với người cố

tình phát tán, truyền đưa thông tin cá nhân của bị hại là người chưa thành niên trong các vụ việc, vụ án xâm hại người chưa thành niên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của họ.

Điều 149. Lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra

1. Việc lấy lời khai người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có thể thực hiện tại nơi tiến hành điều tra, nơi tiến hành truy tố, nơi cư trú hoặc nơi học tập, nơi lao động, nơi sinh hoạt của người đó hoặc cơ sở chăm sóc trẻ em. Ưu tiên địa điểm lấy lời khai tại nơi cư trú của họ. Không lấy lời khai của người chưa thành niên tại hiện trường nơi xảy ra tội phạm. Trường hợp lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tại nơi tiến hành điều tra, nơi tiến hành truy tố thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của họ.

Trường hợp cần thiết, việc lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có thể được ghi âm, ghi hình có âm thanh.

2. Khi tiến hành lấy lời khai người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, cũng như các đặc điểm riêng về hoàn cảnh gia đình, tình trạng tâm lý, sức khỏe và những đặc điểm khác của người chưa thành niên.

3. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải hạn chế tối đa các lần lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng và chỉ lấy lời khai khi thực sự cần thiết để phục vụ hoạt động tố tụng.

4. Không hỏi người chưa thành niên nhiều lần về cùng một nội dung. Thời gian lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng điều chỉnh việc lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phù hợp với mức độ tập trung của người chưa thành niên. Việc lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải tạm dừng ngay khi họ có biểu hiện mệt mỏi ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

5. Khi lấy lời khai, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng sơ đồ, mô hình, thiết bị điện tử hoặc công cụ khác để hỗ trợ việc lấy lời khai người chưa thành niên hiệu quả.

6. Không tiến hành đối chất giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với người bị buộc tội, trừ trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

Khi tiến hành đối chất, người tiến hành tố tụng bố trí cho người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia trực tuyến có sử dụng thiết bị điện tử hỗ trợ để họ không tiếp xúc trực tiếp với người bị buộc tội.

Thời gian đối chất đối với người chưa thành niên không quá 01 lần trong một ngày và không quá 01 giờ. Người tiến hành tố tụng phải tạm dừng ngay việc đối chất khi người chưa thành niên có dấu hiệu mệt mỏi, căng thẳng.

7. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có quyền không tham gia vào hoạt động thực nghiệm điều tra, nếu hoạt động đó có thể làm tổn thương tâm lý, tinh thần, sức khỏe của họ.

8. Việc tổ chức cho người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng nhận dạng, nhận biết giọng nói được thực hiện thông qua hình ảnh, âm thanh hoặc thiết bị điện tử. Việc nhận dạng, nhận biết giọng nói được thực hiện theo quy định tại Điều 137 của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

9. Việc lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói phải có mặt của người đại diện. Trường hợp cần thiết có thể đề nghị người làm công tác xã hội tham gia hỗ trợ người chưa thành niên là bị hại.

10. Khi lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên mặc trang phục phù hợp, không mặc trang phục Công an nhân dân, Kiểm sát nhân dân.

Điều 150. Xem xét dấu vết trên thân thể, trưng cầu giám định

1. Việc xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên là bị hại phải có sự tham gia của người đại diện của họ.

Trường hợp cần thiết có thể mời bác sĩ tham gia việc xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên là bị hại. Việc khám bộ phận sinh dục của người chưa thành niên là bị hại phải do bác sĩ thực hiện.

2. Đảm bảo thời gian xem xét dấu vết trên thân thể người chưa thành niên được tiến hành nhanh nhất.

3. Chỉ được trưng cầu giám định hoặc lấy mẫu trên cơ thể đối với người chưa thành niên là bị hại nếu có căn cứ cho rằng việc đó là cần thiết để giải quyết vụ án. Khi tiến hành việc giám định và lấy mẫu trên cơ thể phải tôn trọng quyền riêng tư của người chưa thành niên.

4. Đối với những vụ việc, vụ án có dấu hiệu phạm tội quả tang hoặc diễn ra vừa kết thúc thì bị phát hiện hoặc có căn cứ, tài liệu xác định có hành vi xâm hại người chưa thành niên hoặc thuộc các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án phải tiến hành trưng cầu giám định trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi có căn cứ. Trường hợp cần phải đưa bị hại đến cơ sở y tế để sơ cứu, cấp cứu, Cơ quan điều tra phải phối hợp với cơ sở y tế để thu mẫu giám định.

Điều 151. Hạn chế tiếp xúc với người bị buộc tội

1. Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với bị cáo khi họ trình bày lời khai tại phiên tòa.

2. Trong quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phải cách ly người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với bị cáo trong những trường hợp sau đây:

a) Vụ án có bị hại là người chưa thành niên bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán;

b) Vụ án có bị hại là người dưới 10 tuổi;

c) Vụ án khác có yêu cầu của người chưa thành niên hoặc người đại diện của họ và Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly để bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên.

3. Người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hoặc người làm công tác xã hội phải có mặt ở phòng cách ly để hỗ trợ người bị hại tham gia phiên tòa.

Điều 152. Thủ tục xét xử

1. Hạn chế việc triệu tập người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa nếu không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể quyết định xét xử trực tuyến để người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần, sử dụng lời khai của người chưa thành niên từ giai đoạn điều tra, truy tố hoặc áp dụng các biện pháp thay thế khác.

2. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ đặc biệt khi tham gia phiên tòa thì bố trí cho họ ngồi ở phòng cách ly và sử dụng các thiết bị điện tử; trường hợp không bố trí được phòng cách ly thì để họ ngồi ở phòng xử án nhưng phải bố trí khu vực ngăn cách với bị cáo.

3. Người tham gia tố tụng muốn hỏi người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng thì phải được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa. Những người này không được trực tiếp hỏi người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng mà phải đặt câu hỏi thông qua chủ tọa phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hỏi người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

4. Khi xét xử:

a) Khi xét hỏi, câu hỏi phải ngắn gọn, dễ hiểu, dùng ngôn ngữ phù hợp phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng, cũng như các đặc điểm riêng về hoàn cảnh gia đình, tình trạng tâm lý, sức khỏe và những đặc điểm khác của họ.

b) Việc hỏi người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải được điều chỉnh phù hợp với mức độ tập trung của họ, có tiến hành nghỉ giải lao nếu cần thiết.

c) Trường hợp cần thiết, có thể sử dụng sơ đồ, mô hình cơ thể hoặc tài liệu hỗ trợ khác để xác định bộ phận cơ thể. Không được yêu cầu người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng chỉ vào bộ phận trên cơ thể của họ.

d) Không hỏi những câu mang tính công kích, đe dọa, làm xấu hổ hoặc xúc phạm người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

5. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng được tạo điều kiện để làm quen, tiếp xúc với quy trình và thủ tục xét xử.

Điều 153. Bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại

1. Bồi thường thiệt hại, xác định thiệt hại được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Việc bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại phải thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

3. Việc bồi thường cho bị hại, người làm chứng có thể được thỏa thuận giữa cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người chưa thành niên.

4. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại được bồi thường, nhưng người bồi thường không thể thực hiện ngay thì có thể sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo Trợ trẻ em cho họ. Người có nghĩa vụ bồi thường phải thực hiện hoàn trả quỹ theo quy định.

Điều 154. Thi hành quyết định bồi thường

1. Sau khi có quyết định bồi thường, người có nghĩa vụ bồi thường phải bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại theo quyết định bồi thường, thời hạn thực hiện nghĩa vụ không quá 10 ngày kể từ ngày có quyết định bồi thường.

Trường hợp người có nghĩa vụ bồi thường thực hiện bồi thường không đúng thời hạn hoặc không thực hiện nghĩa vụ thì người nhận bồi thường có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Trường hợp người có nghĩa vụ bồi thường là người chưa thành niên không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thì cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người chưa thành niên phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường này.

Điều 155. Hỗ trợ công tác chăm sóc, phục hồi và tái hòa nhập cho người chưa thành niên

1. Bị hại là người dưới 16 tuổi có quyền được hỗ trợ và can thiệp theo quy định của Luật Trẻ em.

2. Bị hại từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền được đến nơi tạm trú an toàn, được tư vấn tâm lý, điều trị y tế, trợ giúp pháp lý, đào tạo kỹ năng, chăm sóc thay thế và hoạt động hỗ trợ xã hội khác theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định mức hỗ trợ cho bị hại là người chưa thành niên từ nguồn kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em.

Phần thứ tư

THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ, TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Chương X

THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 156. Điều kiện vật chất của trại giam

1. Trại giam dành riêng cho người chưa thành niên là phạm nhân phải được bố trí, thiết kế phù hợp với lứa tuổi, giới tính và bảo đảm có:

- a) Khu giam giữ theo tính chất của tội phạm, mức hình phạt;
- b) Buồng ở;
- c) Phòng học;
- d) Khu vui chơi;
- đ) Khu lao động;
- e) Phòng y tế.

2. Buồng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi phạm nhân là 2,5 m².

3. Phải có đủ hệ thống lắp đặt và thiết bị trong trại giam để người chưa thành niên có thể tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí khác phù hợp.

4. Việc bố trí giam riêng phạm nhân được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

5. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất của tội phạm, mức hình phạt, trại giam bố trí phạm nhân thành các đội, tổ theo giới tính để học tập, lao động, sinh hoạt và phân công cán bộ quản giáo có cùng giới tính trực tiếp phụ trách.

Điều 157. Chế độ chăm sóc sức khỏe

Phạm nhân được chăm sóc sức khỏe, điều trị y tế, bao gồm:

- 1. Tư vấn tâm lý và sức khỏe tâm thần;
- 2. Chăm sóc và điều trị nha khoa, nhãn khoa;
- 3. Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

4. Đánh giá y tế về sức khỏe người chưa thành niên ít nhất 01 lần khi vào cơ sở giam giữ. Trường hợp người chưa thành niên chấp hành án phạt tù từ 12 tháng trở lên thì được đánh giá y tế về sức khỏe 01 lần/01 năm.

Điều 158. Chế độ học văn hóa, học nghề, lao động

1. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm giáo dục phạm nhân về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, học vấn, giới tính, sức khỏe của họ. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học là bắt buộc đối với phạm nhân chưa học xong chương trình tiểu học.

Chương trình, nội dung học tập, học nghề của người chưa thành niên là phạm nhân do Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Trường học không thể bố trí giáo viên dạy các môn bắt buộc theo quy định của giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì phải phối hợp cùng trường học gần nhất với cơ sở giam giữ để tổ chức, liên kết lớp học trực tuyến cho phạm nhân. Việc mở lớp học trực tuyến phải bảo đảm an toàn, tránh kỳ thị, ảnh hưởng tới học sinh và phạm nhân. Trường học khi có đề nghị phối hợp mở lớp học trực tuyến thì phải bố trí kết nối cho phạm nhân theo học.

3. Người chưa thành niên là phạm nhân được lao động phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Điều 159. Chế độ sinh hoạt văn hóa, thể thao, văn nghệ và giải trí

1. Cơ sở giam giữ phải bố trí cho phạm nhân thời gian để tập thể dục hàng ngày và các hoạt động giải trí, tập thể dục diễn ra ngoài trời khi thời tiết cho phép.

2. Các hoạt động thể chất và giải trí thích hợp sẽ được cung cấp cho tất cả phạm nhân. Khuyến khích phạm nhân phát huy sở trường, năng khiếu cá nhân.

Điều 160. Thăm hỏi, liên lạc với gia đình, nhận quà

1. Người chưa thành niên là phạm nhân được gặp thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 04 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ.

Người chưa thành niên là phạm nhân được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

2. Người chưa thành niên là phạm nhân được liên lạc bằng điện thoại trong nước với thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 15 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí.

3. Nhà nước khuyến khích thân nhân của người chưa thành niên là phạm nhân quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho phạm nhân.

Điều 161. Cán bộ trại giam

Cơ sở giam giữ phải bố trí cán bộ quản giáo có trình độ, được đào tạo, am hiểu về tâm sinh lý người chưa thành niên hoặc đã từng tham gia giải quyết các vụ việc liên quan đến người chưa thành niên.

Điều 162. Khen thưởng người chưa thành niên là phạm nhân

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, người chưa thành niên là phạm nhân chấp hành tốt nội quy cơ sở giam giữ, có thành tích trong học tập, lao động hoặc lập công thì được khen thưởng theo một hoặc nhiều hình thức sau đây:

1. Biểu dương;

2. Tặng giấy khen, tặng quà;

3. Tăng số lần được liên lạc bằng điện thoại, số lần gặp thân nhân, số lần và số lượng quà được nhận;

4. Được liên lạc bằng điện thoại trong nước miễn phí 01 lần hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân không quá 15 phút.

Điều 163. Xử lý người chưa thành niên là phạm nhân vi phạm

1. Việc xử lý người chưa thành niên là phạm nhân vi phạm được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và phải phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm.

2. Không áp dụng biện pháp giam tại buồng kỷ luật đối với người chưa thành niên là phạm nhân.

Điều 164. Chuyển người chưa thành niên là phạm nhân đến cơ sở giam giữ khác

Người chưa thành niên là phạm nhân được chuyển đến một cơ sở giam giữ khác khi việc giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của họ có thể được giải quyết hiệu quả hơn ở một cơ sở giam giữ khác hoặc khi xét thấy cần thiết.

Điều 165. Chuẩn bị trả tự do

1. Hai tháng trước khi người chưa thành niên là phạm nhân hết thời hạn chấp hành án phạt tù, Cơ sở giam giữ phải thông báo cho phạm nhân, người đại diện của họ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành xong án phạt tù về cư trú, học tập, làm việc, Bộ Ngoại giao trong trường hợp người chưa thành niên là phạm nhân là người nước ngoài.

2. Nội dung thông báo bao gồm: ngày được trả tự do, kết quả chấp hành án phạt tù và thông tin cần thiết khác có liên quan để xem xét, sắp xếp, tạo lập cuộc sống bình thường cho người đó.

Trường hợp không xác định được nơi người chưa thành niên chấp hành xong án phạt tù về cư trú thì Cơ sở giam giữ đề nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án hoặc cơ quan, tổ chức khác để tiếp nhận người chấp hành xong án phạt tù về cư trú.

3. Cơ sở giam giữ phải đảm bảo khi người chưa thành niên chấp hành xong án phạt tù được trả tự do phải có người đại diện của họ đến đón. Trường hợp không có người đại diện đến đón thì Cơ sở giam giữ phải bố trí người đưa phạm nhân về nơi cư trú.

4. Trường hợp người chưa thành niên là phạm nhân không có nơi nương tựa, không xác định được nơi sẽ về cư trú sau khi chấp hành xong án phạt tù và thuộc diện đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thì các cơ sở giam giữ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi người chưa thành niên chấp hành án phối hợp làm thủ tục tiếp nhận người chưa thành niên vào cơ sở bảo trợ xã hội của địa phương ngay sau khi họ chấp hành xong án phạt tù.

Chương XI

TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG VÀ THI HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 166. Hỗ trợ người chưa thành niên sau khi trả tự do

1. Việc tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù phải bảo đảm nguyên tắc theo quy định tại Điều 20 của Luật này và các luật khác có liên quan.

2. Trường giáo dưỡng, trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng trước khi học sinh, phạm nhân chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện. Nội dung chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng bao gồm:

- a) Tư vấn tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý;
- b) Định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm;
- c) Hỗ trợ một phần kinh phí từ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam.

3. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chưa thành niên chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng bằng các biện pháp sau đây:

- a) Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng;
- b) Dạy nghề, giải quyết việc làm;
- c) Trợ giúp về tâm lý và hỗ trợ các thủ tục pháp lý;
- d) Các biện pháp hỗ trợ khác.

Điều 167. Tiếp nhận, hỗ trợ người chưa thành niên tái hòa nhập tại cộng đồng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên về cư trú có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên. Thời gian hỗ trợ tối thiểu 06 tháng sau khi trả tự do.

2. Nội dung chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng bao gồm:

a) Chỉ định người làm công tác xã hội hoặc người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hoặc cộng tác viên trực tiếp giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng;

b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và vận động nhân dân trong khu vực dân cư phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng;

c) Trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ một số thủ tục pháp lý liên quan đến cư trú, giấy tờ cần thiết cho người chưa thành niên;

d) Tạo điều kiện thuận lợi để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập, lao động, hướng nghiệp, dạy nghề;

đ) Tuyên truyền, vận động nhân dân trong khu vực dân cư và thực hiện các biện pháp khác để xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên;

e) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ về học tập, lao động, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm kiếm việc làm cho người chưa thành niên.

Điều 168. Trợ giúp về tâm lý

1. Trợ giúp về tâm lý nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù xây dựng niềm tin, nghị lực, ý chí phấn đấu tái hòa nhập cộng đồng và phòng tránh các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật.

2. Nội dung trợ giúp về tâm lý gồm: tư vấn xóa bỏ mặc cảm tự ti; rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hòa nhập cộng đồng; nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong các quan hệ xã hội.

3. Trợ giúp về tâm lý được thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Tổ chức tư vấn riêng, tư vấn nhóm;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu trên cơ sở nhu cầu cần được trợ giúp;

c) Thông qua các buổi nói chuyện, sinh hoạt cộng đồng, diễn đàn;

d) Tư vấn thông qua mạng xã hội, trang thông tin điện tử, email, điện thoại và các phương tiện thông tin, truyền thông khác.

Điều 169. Đào tạo nghề, tạo việc làm cho người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù

1. Người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù được ưu tiên đào tạo nghề và hỗ trợ vay vốn để tạo việc làm; được thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhu cầu của người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù và thực tiễn thị trường lao động, Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù; theo dõi, báo cáo tình trạng việc làm của người chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, án phạt tù do trung tâm giới thiệu với cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không được phân biệt đối xử, kỳ thị khi tuyển dụng, sử dụng người lao động là người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi trở lên vì lý do trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, xử phạt tù.

Điều 170. Trách nhiệm của người làm công tác xã hội

1. Trợ giúp về tâm lý cho người chưa thành niên, giúp họ định hướng và nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá

trình tái hòa nhập cộng đồng, gồm: tư vấn về tình cảm, hôn nhân, gia đình, sức khỏe, phòng chống ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác; tư vấn để xóa bỏ mặc cảm, tự ti, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng.

2. Đề xuất các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp với người chưa thành niên trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn người chưa thành niên trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình hướng dẫn họ.

Điều 171. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện chương trình giám sát, phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động các tổ chức thành viên chăm lo, hỗ trợ, giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng.

3. Các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tạo điều kiện để người chưa thành niên học tập, lao động, tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, bồi dưỡng đạo đức, ý thức công dân cho người chưa thành niên; hỗ trợ các nguồn lực theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội nhằm giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng.

Phần thứ năm

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 172. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 01 năm 2026, trừ quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này thì có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

2. Bãi bỏ Chương XII của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Chương XXVIII của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15; bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 132, khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 135, mục 4 Chương III và mục 3 Chương X của Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14.

3. Sửa đổi, bãi bỏ một số khoản của Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý

a) Sửa đổi khoản 5 Điều 7 như sau: “Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi”.

b) Bãi bỏ điểm đ khoản 7 Điều 7.

Điều 173. Kinh phí cho hoạt động tư pháp người chưa thành niên

1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động tư pháp người chưa thành niên từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định

của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện hoạt động tư pháp người chưa thành niên, bao gồm:

- a) Thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng;
- b) Bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện thủ tục tố tụng, thi hành án thân thiện đối với người chưa thành niên;
- c) Chi phí chi trả cho người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên.
- d) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI